

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp
và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thay thế Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2023/NĐ-CP và Nghị định số 77/2024/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 75/2021/NĐ-CP) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, Nghị quyết nêu: *“Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo hướng phải là mức cao nhất trong các chính sách xã hội;... Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú”*. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 là: *“Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú”*.

- Kết luận số 206-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị.

- Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, trong đó quyết nghị: *“Điều chỉnh một số loại phụ cấp, mức lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội theo Kết luận số 206-KL/TW ngày 10/11/2025 của Bộ Chính trị”*.

- Điều 48 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng giao Chính phủ quy định mức hưởng và việc thực hiện trợ cấp, phụ cấp, các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, giao triển khai đề án: “*Nghị định quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (thay thế Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021, Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 và Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024)*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Kết luận số 83-KL/TW của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024 kết luận: “*điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công theo mức chuẩn trợ cấp từ 2.055.000 đồng lên 2.789.000 đồng/tháng, giữ nguyên tương quan hiện hưởng các mức trợ cấp ưu đãi người có công so với mức chuẩn trợ cấp*”, ngày 01/7/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2024/NĐ-CP điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng từ 2.055.000 đồng lên mức 2.789.000 đồng (tăng 35,7%), là mức tăng cao nhất trong các lần điều chỉnh tăng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng và cao hơn tỷ lệ tăng mức lương cơ sở (tăng 30%)¹.

Năm 2026, triển khai lộ trình cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, tại Nghị định số 161/2026/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang quy định từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, mức lương cơ sở là 2.530.000 đồng/tháng (tăng khoảng 8%), theo đó, mức hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng cần thiết được điều chỉnh theo hướng đồng bộ trong tổng thể cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước ngày càng phát triển, mặt bằng giá cả hàng hóa và chi phí sinh hoạt tăng cao, đồng thời các quy định về phân quyền, phân cấp trong tổ chức thực hiện chính sách có nhiều thay đổi, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng hiện hành là cần thiết, nhằm bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và đáp ứng tốt hơn yêu cầu chăm lo đời sống của người có công với cách mạng và thân nhân của họ theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về ưu đãi người có công với cách mạng.

¹ Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024 kết luận: “Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng (tăng 30%) kể từ ngày 01/7/2024”

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Thể chế hoá quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về việc chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của người có công và thân nhân người có công với cách mạng.

- Phù hợp với Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định về phân quyền, phân cấp và các quy định pháp luật khác có liên quan, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bảo đảm cụ thể hóa đầy đủ các nội dung được giao tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Bảo đảm tính linh hoạt và đồng bộ trong thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng.

- Bảo đảm khả thi và phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV và Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã:

- Tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị định;

- Ngày 04/3/2026, Bộ Nội vụ có Công văn số 109/BNV-CNCC gửi lấy ý kiến tham gia của 04 Bộ: Quốc phòng, Công an, Tư pháp, Tài chính về hồ sơ dự thảo Nghị định (Công văn mật);

- Ngày 08/5/2026, Bộ Nội vụ đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;

- Ngày 09/5/2026, Bộ Nội vụ có Công văn số 4381/BNV-CNCC gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan về hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định được sửa đổi cho phù hợp với quy định về tổ chức thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và phù hợp với quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực người có công tại Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định không thay đổi so với quy định hiện hành tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP.

2. Bố cục của Nghị định

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 75/2021/NĐ-CP bao gồm 4 chương, 16 điều và 6 phụ lục, cụ thể như sau:

- Chương 1 “Quy định chung” (gồm 02 điều từ Điều 1 đến Điều 2): Chương này quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- Chương 2 “Mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi” (gồm 02 điều từ Điều 3 đến Điều 4): Chương này quy định về mức chuẩn và mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

- Chương 3 “Các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng” (gồm 9 điều từ Điều 5 đến Điều 13): Chương này quy định các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng về bảo hiểm y tế; điều trị, điều dưỡng phục hồi sức khỏe; cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng cần thiết; hỗ trợ ưu đãi giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến trình độ đại học; hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ; hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ; hỗ trợ công tác mộ, công trình ghi công liệt sĩ; xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; các chế độ ưu đãi khác.

- Chương 4 “Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành” (gồm 03 điều từ Điều 14 đến Điều 16).

- 06 phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định quy định cụ thể mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng, trợ cấp ưu đãi hằng năm, trợ cấp ưu đãi một lần và mức hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, thiết bị phục hồi chức năng cần thiết cho đối tượng.

3. Nội dung cơ bản của Nghị định

3.1. Mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng:

Thực hiện Kết luận số 206-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, đồng thời, trên cơ sở triển khai lộ trình cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, Nghị định số 161/2026/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức,

viên chức và lực lượng vũ trang, trong đó quy định từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, mức lương cơ sở là 2.530.000 đồng/tháng (tăng khoảng 8%), Bộ Nội vụ đề xuất thực hiện điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng từ **2.789.000 đồng** lên **3.012.000 đồng** (tương ứng tỷ lệ tăng là **8%**) từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- Về nguyên tắc điều chỉnh:

+ Mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng (Phụ lục I, II, III): giữ nguyên mối tương quan giữa các mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công hiện hành so với mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, theo đó, mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công theo số tiền tuyệt đối được điều chỉnh tăng bằng với tỷ lệ tăng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng là 8%.

+ Mức hưởng trợ cấp ưu đãi hằng năm, một lần và mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe (Điều 6, 8 và Phụ lục IV, VI): tiếp tục gắn với mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng như quy định hiện hành.

- Về thời điểm hưởng: mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng, hằng năm, một lần được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3.2. Bảo hiểm y tế:

Nội dung dự thảo Nghị định được giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP (Nghị định số 75/2021/NĐ-CP quy định việc đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo pháp luật về bảo hiểm y tế, qua thực tiễn triển khai đã bảo đảm tính phù hợp, ổn định và khả thi).

3.3. Điều dưỡng phục hồi sức khỏe:

- Về mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe: giữ nguyên như Nghị định số 75/2021/NĐ-CP (mức chi điều dưỡng được quy định theo tỷ lệ gắn với mức chuẩn trợ cấp ưu đãi đã đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp và được triển khai ổn định, thống nhất, không phát sinh vướng mắc).

- Về các nội dung chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung: chỉ quy định chi tiết nội dung chi “tham quan” bao gồm tiền đi lại và vé tham quan để các cơ sở điều dưỡng không gặp lúng túng trong thực hiện chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe cho người có công; các nội dung còn lại giữ nguyên như quy định hiện hành.

- Về thời điểm hưởng:

Mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe: được thực hiện kể từ ngày 01/01/2027. Nội dung này được thực hiện tương tự như Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe được thực hiện dưới hai hình thức là điều dưỡng tập trung và điều dưỡng tại nhà. Theo quy định tại Điều 86 và Điều

87 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, Điều 25 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ thì danh sách người được điều dưỡng tập trung và điều dưỡng tại nhà được lập trong Quý I của năm và căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thời gian điều dưỡng cụ thể. Bên cạnh đó, việc tổ chức thực hiện chế độ điều dưỡng được thực hiện xuyên suốt trong năm nên thời điểm hưởng chế độ của các đối tượng là khác nhau. Do đó, nếu quy định thời điểm thực hiện chế độ điều dưỡng theo mức chuẩn trong dự thảo Nghị định kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì chế độ điều dưỡng trong năm 2026 được thực hiện theo 02 mức chuẩn: 6 tháng đầu năm 2026 thực hiện theo mức chuẩn 2.789.000 đồng, 6 tháng cuối năm 2026 thực hiện theo mức chuẩn 3.012.000 đồng. Như vậy, số tiền hưởng chế độ điều dưỡng của những đối tượng thuộc danh sách hưởng chế độ điều dưỡng 6 tháng đầu năm 2026 thấp hơn số tiền hưởng chế độ điều dưỡng của những đối tượng thuộc danh sách hưởng chế độ điều dưỡng 6 tháng cuối năm 2026. Vì vậy, để đảm bảo các đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng trong năm 2026 được thực hiện thống nhất cùng một mức chi tính theo mức chuẩn 2.789.000 đồng, Bộ Nội vụ đề xuất thời điểm điều chỉnh tăng mức chi chế độ điều dưỡng theo mức chuẩn 3.012.000 đồng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3.4. Hỗ trợ phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng:

- Mức hỗ trợ tiền đi lại và tiền ăn cho đối tượng khi đi làm phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình: đề nghị điều chỉnh tăng từ 5.000 đồng/km/người lên 10.000 đồng/km/người; điều chỉnh mức tối đa từ “1.400.000 đồng/người/niên hạn” thành tối đa “2.800.000 đồng/người/niên hạn”.

Tiếp thu ý kiến của địa phương, việc điều chỉnh mức hỗ trợ nhằm bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế về giá nhiên liệu, cước phí vận tải hành khách hiện nay và đặc thù của đối tượng được hỗ trợ là người gặp khó khăn về vận động, đi lại, thường phát sinh chi phí hỗ trợ di chuyển; qua đó góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng trong việc tiếp cận các dịch vụ phục hồi chức năng.

- Điều chỉnh mức hỗ trợ phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng: mức hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đã được thực hiện từ năm 2019 đến nay, sau thời gian dài thực hiện (07 năm) cần được điều chỉnh tăng để đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. Bên cạnh đó, nội dung này đã được Kiểm toán Nhà nước kiến nghị tại Thông báo kết quả kiểm toán số 364/TB-KTNN ngày 24/7/2025 tại Cục Người có công, trong đó nêu rõ: “*Điều chỉnh mức hỗ trợ ưu đãi khác đảm bảo phù hợp với lộ trình tăng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi và mức lương cơ sở như: (i) Hỗ trợ mua phương tiện*

trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng cần thiết, vật phẩm phụ và vật dụng khác;... ”.

Trên cơ sở tỷ lệ tăng CPI giai đoạn 2019-2025 là 21,2% (theo dữ liệu tại trang thông tin điện tử Cục Thống kê - Bộ Tài chính) và bảng giá phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện thiết bị phục hồi chức năng của một số bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng, Bộ Nội vụ đề xuất mức hỗ trợ theo nguyên tắc như sau:

+ Danh mục phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng có đơn giá cao hơn mức hỗ trợ tính theo tỷ lệ tăng CPI giai đoạn 2019-2025 (21,2%): đề xuất mức hỗ trợ tăng 21,2%.

+ Danh mục phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng có đơn giá thấp hơn mức hỗ trợ theo tỷ lệ tăng CPI giai đoạn 2019-2025 (21,2%): đề xuất mức hỗ trợ bằng đơn giá thấp nhất của sản phẩm đó.

(Chi tiết mức hỗ trợ tại phụ lục kèm theo)

3.5. Mức hỗ trợ ưu đãi giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến trình độ đại học:

- Mức chi hỗ trợ ưu đãi giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến trình độ đại học được giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP.

- Dự thảo lại nội dung Điều 8: quy định mức hỗ trợ 0,2 lần mức chuẩn/đối tượng/năm đối với người học tại cơ sở giáo dục mầm non; mức hỗ trợ 0,4 lần mức chuẩn/đối tượng/năm đối với người học tại cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên, trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường năng khiếu, trường, lớp dành cho người khuyết tật *(bổ sung trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15).*

3.6. Hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ

- Mức hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ: đề nghị điều chỉnh tăng từ 3.000 đồng/km/người lên 5.000 đồng/km/người, thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Tiếp thu ý kiến của địa phương, việc điều chỉnh mức hỗ trợ nêu trên nhằm phù hợp với thực tế giá nhiên liệu, chi phí đi lại và cước phí vận tải hiện nay.

- Bổ quy định về đối tượng hưởng chế độ thăm viếng mộ liệt sĩ do Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đã quy định về đối tượng

và nguyên tắc hỗ trợ chế độ thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.

- Mức hỗ trợ cất bốc hài cốt liệt sĩ: đề nghị điều chỉnh tăng từ 4.000.000 đồng/hài cốt liệt sĩ lên 5.000.000 đồng/hài cốt liệt sĩ, được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Mức hỗ trợ cất bốc hài cốt liệt sĩ theo quy định hiện hành được thực hiện kể từ năm 2019 đến nay, sau thời gian dài thực hiện (07 năm), cần thiết phải điều chỉnh tăng cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

Về mức trợ cấp: theo dữ liệu tại trang thông tin điện tử Cục Thống kê – Bộ Tài chính (nso.gov.vn), chỉ số giá tiêu dùng từ năm 2019 - 2025 tăng 21,2%. Mức hỗ trợ cất bốc hài cốt liệt sĩ tương ứng với tỷ lệ tăng nêu trên là 4.848.000 đồng, vì vậy, Bộ Nội vụ đề xuất mức hỗ trợ cất bốc hài cốt liệt sĩ là 5.000.000 đồng/hài cốt liệt sĩ.

3.7. Hỗ trợ công tác mộ, công trình ghi công liệt sĩ:

- Hỗ trợ xây mộ liệt sĩ an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ: nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 75/2021/NĐ-CP và được chuyển thành khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định.

- Điều chỉnh thuật ngữ “*địa phương tự cân đối ngân sách*” thành “*địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương*”; “*địa phương chưa tự cân đối được ngân sách*” thành “*địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương*” để đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

- Về mức hỗ trợ: giữ nguyên quy định về mức hỗ trợ xây mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa mộ liệt sĩ và mức hỗ trợ đối với các công trình ghi công liệt sĩ cấp tỉnh và cấp xã; bỏ quy định mức hỗ trợ đối với các công trình ghi công liệt sĩ cấp huyện; quy định cụ thể mức hỗ trợ tối đa 100% giá trị công trình đối với nghĩa trang liệt sĩ.

- Về nguyên tắc hỗ trợ: đối với nghĩa trang liệt sĩ: quy định cụ thể mức hỗ trợ tối đa 100% giá trị công trình đối với nghĩa trang liệt sĩ (*không phân biệt địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương/địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương*). Đối với các công trình ghi công liệt sĩ khác: sửa đổi nguyên tắc hỗ trợ tối đa 100% giá trị công trình tại các tỉnh miền núi, Tây Nguyên thành các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; giữ nguyên nguyên tắc hỗ trợ đối với các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương và các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương như quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP; bỏ quy định về hỗ trợ đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương.

- Bổ sung quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ công tác mộ liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ: tiếp thu ý kiến của Kiểm toán Nhà nước tại điểm d mục 2 Phần I Thông báo kết quả kiểm toán số 364/TB-KTNN ngày 24/7/2025 tại Cục Người có công, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ công tác mộ liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ bao gồm các nội dung như sau: (1) Phân bổ kinh phí tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm đồng bộ, khang trang, sạch đẹp; phát huy hiệu quả sử dụng vốn, tránh thất thoát, lãng phí. Chỉ phân bổ kinh phí để thực hiện các hạng mục nằm trong khuôn viên công trình ghi công liệt sĩ; (2) Ưu tiên phân bổ kinh phí cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai; (3) Tiêu chí ưu tiên phân bổ: ưu tiên mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ; thực trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình; dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; công trình đang triển khai dở dang cần tiếp tục bố trí vốn để hoàn thành. Tùy theo điều kiện của từng địa phương để xem xét bổ sung thêm tiêu chí về số lượng mộ liệt sĩ trên địa bàn hành chính, số lượng nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn hành chính, quy mô công trình tính theo số lượng mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ; (4) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm phân bổ cho các công trình theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ quy định tại Nghị định này.

3.8. Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin:

Nội dung dự thảo cơ bản được giữ nguyên như quy định hiện hành, các nội dung sửa đổi bao gồm:

- Lấy mẫu hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin: giữ nguyên bố cục theo quy định hiện hành, có điều chỉnh sửa đổi, bổ sung mức chi lấy mẫu hài cốt liệt sĩ.

+ Mức chi khai quật, cất bốc, sửa lại vỏ mộ sau khi lấy mẫu hài cốt liệt sĩ theo quy định hiện hành được thực hiện từ năm 2021 đến nay. Trong 5 năm qua, mức tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 (15,18%) theo dữ liệu tại trang thông tin điện tử Cục Thống kê - Bộ Tài chính. Vì vậy, Bộ Nội vụ đề xuất sửa đổi mức chi khai quật, cất bốc, sửa lại vỏ mộ sau khi lấy mẫu hài cốt liệt sĩ từ 1.000.000 đồng lên 1.150.000 đồng/mộ.

+ Về mức chi lấy mẫu: Tách riêng quy định chi phí lấy mẫu hài cốt liệt sĩ để bảo đảm phù hợp với thực tế triển khai và bảo đảm chi phí cho giám định viên khi gặp điều kiện thời tiết không thuận lợi dẫn đến không thể lấy mẫu hài cốt liệt sĩ. Cụ thể: mức chi lấy mẫu hài cốt liệt sĩ theo đề nghị của đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ được giữ nguyên như quy định hiện hành là 50.000 đồng/mộ thực hiện lấy mẫu. Mức chi lấy mẫu hài cốt liệt sĩ theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền được đề xuất là 300.000 đồng (tính toán trên cơ sở mỗi giám

định viên lấy khoảng 30 mẫu/ngày, bình quân 10.000 đồng/mẫu).

- Bảo quản mẫu hài cốt liệt sĩ, mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ còn thiếu thông tin ở dạng thô trong thời gian chờ giám định ADN tại các cơ sở giám định ADN: sửa đổi “mức chi 500 đồng/mẫu/ngày” thành “mức chi tối đa 500 đồng/mẫu/ngày”. Nội dung chi này để các cơ sở giám định ADN bù đắp chi phí tiền điện, nhân công,... phục vụ công tác bảo quản mẫu hài cốt liệt sĩ, mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ ở dạng thô để bảo đảm chất lượng mẫu phục vụ công tác giám định. Việc sửa đổi, bổ sung như dự thảo bảo đảm chặt chẽ trong quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

- Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp giám định ADN: thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước, nhiệm vụ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin được phân quyền, phân cấp về Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Vì vậy, Bộ Nội vụ đề nghị quy định thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước và các pháp luật có liên quan.

- Xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng:

- + Bổ sung cụm từ “ban hành quyết định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ” nhằm làm rõ căn cứ chi trả, bảo đảm việc hỗ trợ chỉ thực hiện đối với các thông tin đã được cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận chính xác và ban hành quyết định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ theo quy định, đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất và thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện; quy định cụ thể trách nhiệm thanh toán của Sở Nội vụ đối với các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

- + Bổ sung quy định về mức hỗ trợ đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng theo kế hoạch của cơ quan nhà nước: hiện nay, thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ, Bộ Quốc phòng triển khai công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng. Vì vậy, tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng bổ sung quy định này để đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất.

- Điều chỉnh tăng mức chi hoàn thiện mộ liệt sĩ bao gồm cả bia ghi tên liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ sau khi kết thúc việc giám định ADN từ 1.000.000 đồng/mộ lên 1.150.000 đồng/mộ.

Mức chi hoàn thiện mộ liệt sĩ bao gồm cả bia ghi tên liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ sau khi kết thúc việc giám định ADN theo quy định hiện hành được thực hiện kể năm 2021 đến nay, vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh tăng cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. Trên cơ sở mức tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2021–2025 (15,18%) theo dữ liệu tại trang thông tin

điện tử Cục Thống kê – Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ đề xuất mức chi hoàn thiện mộ liệt sĩ, bao gồm cả bia ghi tên liệt sĩ là 1.150.000 đồng/mộ.

- Bổ sung nội dung chi so sánh, đối khớp, thông báo kết quả giám định ADN để đảm bảo thống nhất, phù hợp với chủ trương, quy trình mới theo Kết luận của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Thông báo kết luận số 466-TB/VPTW ngày 19/12/2025, Nghị quyết số 26/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ và dự kiến nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định thay thế Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

3.9. Các chế độ ưu đãi khác:

- Mức trợ cấp thờ cúng liệt sĩ: đề nghị điều chỉnh tăng từ 1.400.000 đồng/liệt sĩ/năm lên 1.600.000 đồng/liệt sĩ/năm, thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Mức trợ cấp thờ cúng liệt sĩ theo quy định hiện hành được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, đến hết năm 2026 là tròn 05 năm thực hiện, vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh tăng cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

Về mức trợ cấp: theo dữ liệu tại trang thông tin điện tử Cục Thống kê – Bộ Tài chính (nso.gov.vn), chỉ số giá tiêu dùng từ năm 2022-2025 tăng 13,34%. Mức trợ cấp thờ cúng liệt sĩ tương ứng với tỷ lệ tăng nêu trên là 1.586.760 đồng, vì vậy, Bộ Nội vụ đề xuất mức trợ cấp thờ cúng liệt sĩ là 1.600.000 đồng/liệt sĩ/năm.

- Mức hỗ trợ ăn thêm ngày lễ, tết: đề nghị điều chỉnh tăng mức hỗ trợ ăn thêm ngày lễ, tết từ 200.000 đồng/người/ngày lên 600.000 đồng/người/ngày, thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Mức hỗ trợ ăn thêm ngày lễ, tết theo quy định hiện hành được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, sau thời gian dài thực hiện cần thiết phải điều chỉnh tăng cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

Về mức hỗ trợ: Bộ Nội vụ đề xuất điều chỉnh tăng bằng mức chi tiếp khách theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC² ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính là 600.000 đồng/người.

- Hỗ trợ thuốc, điều trị và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe tại cơ sở nuôi dưỡng: đề nghị điều chỉnh tăng từ tối đa 8.500.000 đồng/người/năm lên tối đa 11.000.000 đồng/người/năm.

Mức hỗ trợ thuốc, điều trị và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe theo quy định hiện hành được thực hiện từ khoảng năm 2015 cho đến nay, sau thời gian dài thực hiện cần thiết phải điều chỉnh tăng để phù hợp với nhu cầu về thuốc, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe ngày càng cao của người có công do tuổi cao, sức khỏe giảm

² Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước

sút, đồng thời phù hợp với mặt bằng chi phí trong từng thời kỳ.

- Hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công: đề nghị điều chỉnh tăng từ tối đa 8.000.000 đồng/người/năm lên tối đa 11.000.000 đồng/người/năm.

Mức hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công theo quy định hiện hành được thực hiện từ rất lâu, sau thời gian dài thực hiện cần thiết phải điều chỉnh tăng để phù hợp với chi phí, giá cả hiện nay.

Về mức hỗ trợ: mức hỗ trợ đề xuất là 11.000.000 đồng được tính toán trên cơ sở chi phí tiền điện (hỗ trợ 250 kWh/người/tháng), tiền nước (hỗ trợ 8m³/người/tháng), chi phí sửa chữa điện, nước, vệ sinh môi trường, mua sắm đồ dùng phục vụ sinh hoạt đối tượng,... khoảng 2,6 triệu đồng/người/năm.

- Hỗ trợ phục vụ công tác điều dưỡng, đón tiếp người có công tại các cơ sở điều dưỡng, đón tiếp ngành Nội vụ quản lý: bỏ quy định về điều dưỡng tại cơ sở ngoài ngành, do các cơ sở điều dưỡng hiện nay đã được đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu điều dưỡng.

- Hỗ trợ tiền đi lại và tiền ăn khi người có công đang nuôi dưỡng tại cơ sở về thăm gia đình mà tự túc phương tiện vận chuyển: điều chỉnh tăng mức khoán chi từ 3.000 đồng/km/người lên 5.000 đồng/km/người và mức tối đa từ “không quá 5.000.000 đồng/đối tượng và người thân/năm” lên “không quá 8.000.000 đồng/đối tượng và người thân/năm”.

Tiếp thu ý kiến của địa phương, việc điều chỉnh mức hỗ trợ nhằm phù hợp với thực tế giá nhiên liệu, chi phí đi lại và cước phí vận tải hiện nay.

- Hỗ trợ đón tiếp thân nhân của người có công với cách mạng đến thăm người có công với cách mạng đang nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng: điều chỉnh từ hỗ trợ tối đa: “03 người/01 đối tượng/01 lần, 02 lần/01 năm, 03 ngày/01 lần” thành “tối đa 18 người x ngày/đối tượng/năm”; điều chỉnh mức chi từ “thực hiện theo mức chi tiếp khách trong nước hiện hành” thành “mức chi hằng ngày tối đa bằng mức chi tiếp khách trong nước hiện hành”.

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Thông báo kết quả kiểm toán số 364/TB-KTNN ngày 24/7/2025 tại Cục Người có công, việc quy định giới hạn số lần đón tiếp là 02 lần/năm không đảm bảo tính linh hoạt trong thực tế triển khai, vì vậy, đề xuất điều chỉnh như trên để đảm bảo quyền lợi cho đối tượng.

- Bổ sung nội dung hỗ trợ xăng dầu, sách báo, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ người có công với cách mạng đang được nuôi dưỡng tại cơ sở để phù hợp với thực tế thực hiện công tác nuôi dưỡng người có công.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công với cách mạng:

- + Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công

trình trong các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công: giữ nguyên mức và nguyên tắc hỗ trợ như quy định hiện hành; điều chỉnh thuật ngữ “địa phương tự cân đối ngân sách” thành “địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương”; “địa phương chưa tự cân đối được ngân sách” thành “địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương” để đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

+ Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, phương tiện, công cụ, dụng cụ: điều chỉnh nguyên tắc áp dụng mức hỗ trợ tối đa đối với cơ sở nuôi dưỡng từ “tối đa 15 triệu đồng/đối tượng/năm và không quá 1,5 tỷ đồng/năm” thành “tối đa 15 triệu đồng/đối tượng/năm *hoặc* không quá 1,5 tỷ đồng/năm” và “tối đa 25 triệu đồng/giường điều dưỡng/năm và không quá 2,5 tỷ đồng/năm” thành “tối đa 25 triệu đồng/giường điều dưỡng/năm *hoặc* không quá 2,5 tỷ đồng/năm” đối với cơ sở điều dưỡng, đón tiếp người có công với cách mạng. Lý do: thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, các địa phương đã tiến hành sắp xếp, hợp nhất các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trên địa bàn, vì vậy, để phù hợp với quy mô của các cơ sở sau sắp xếp, Bộ Nội vụ đề xuất sửa đổi như dự thảo Nghị định để phù hợp với thực tiễn.

- Đón tiếp đoàn đại biểu người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc Sở Nội vụ tổ chức đến thăm cơ quan trung ương: Bộ Nội vụ đề nghị sửa đổi mức quà tặng người có công từ 500.000 đồng/người lên 1.000.000 đồng/người (bằng mức quà tặng tại điểm b khoản 12 Điều 13 dự thảo Nghị định).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Kinh phí thực hiện

1.1. Kinh phí thực hiện trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng:

Với mức chuẩn hiện hành quy định tại Nghị định số 77/2024/NĐ-CP là 2.789.000 đồng thì kinh phí thực hiện trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng năm 2026 là 39.263 tỷ đồng.

Theo phương án nâng mức chuẩn lên 3.012.000 đồng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì kinh phí thực hiện trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng năm 2026 là 40.992 tỷ đồng, tăng thêm 1.729 tỷ đồng; từ năm 2027 tăng thêm là 3.458 tỷ đồng/năm.

1.2. Kinh phí thực hiện chế độ điều dưỡng:

Dự thảo Nghị định đề xuất thời điểm thực hiện chế độ điều dưỡng theo mức

chuẩn 3.012.000 đồng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, do đó, năm 2026 không phát sinh kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ này.

Năm 2027, với cơ cấu điều dưỡng tập trung là 26,6% tổng số đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng trong năm thì khoản kinh phí thực hiện chế độ điều dưỡng theo mức chuẩn 3.012.000 đồng là 1.312 tỷ đồng, tăng thêm 97 tỷ đồng so với năm 2026.

1.3. Kinh phí thực hiện hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

Dự thảo Nghị định đề xuất thời điểm thực hiện mức hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, do đó năm 2026 không phát sinh kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ này.

Giai đoạn 2020-2025, kinh phí thực hiện hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng bình quân 53,1 tỷ đồng/năm. Với tỷ lệ tăng là 21,2% thì khoản kinh phí thực hiện hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng là 64,4 tỷ đồng/năm, tăng thêm khoảng 11,2 tỷ đồng/năm kể từ năm 2027.

1.4. Kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi khác:

Dự thảo Nghị định đề xuất thời điểm thực hiện các chế độ ưu đãi khác gồm: trợ cấp thờ cúng liệt sĩ; hỗ trợ ăn thêm ngày lễ, tết; hỗ trợ thuốc, điều trị và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe tại cơ sở nuôi dưỡng; hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công; quà tặng đón tiếp người có công từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, do đó, năm 2026 không phát sinh kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ này.

Năm 2027, kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi khác nêu trên theo mức điều chỉnh tại dự thảo Nghị định là 1.380 tỷ đồng, tăng thêm 225,5 tỷ đồng so với năm 2026.

Như vậy, với thời điểm thực hiện như trên và mức chuẩn là 3.012.000 đồng thì nhu cầu kinh phí tăng thêm (bao gồm kinh phí thực hiện trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công; kinh phí thực hiện chế độ điều dưỡng; kinh phí thực hiện hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng và kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi khác) khoảng 3.791,7 tỷ đồng/năm.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện chính sách

Việc điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng tại dự thảo Nghị định phù hợp với Kết luận số 206-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV. Trong quá trình xây dựng Nghị

định, Bộ Nội vụ đã đánh giá tác động, dự kiến số lượng kinh phí và nguồn lực đảm bảo thực hiện cho phương án điều chỉnh tại dự thảo Nghị định.

3. Thời gian trình ban hành:

Bộ Nội vụ hoàn thiện hồ sơ Nghị định trình Chính phủ trong tháng 6/2026 và dự kiến Nghị định được Chính phủ xem xét, ban hành trong Quý II/2026.

VI. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Đối với nội dung lấy mẫu hải cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, trong quá trình tổ chức soạn thảo và lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan còn ý kiến khác nhau, vì vậy, bên cạnh nội dung đã đề xuất tại dự thảo Nghị định³, Bộ Nội vụ báo cáo, xin ý kiến đối với khoản 1 Điều 12 như sau:

Đề xuất quy định nội dung mức chi tương tự quy định tại Nghị quyết số 26/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong tổ chức lấy mẫu, giám định và xác định danh tính hải cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp giám định ADN.

Lý do đề xuất:

Quy định mức chi tối đa 6.000.000 đồng/mộ, bao gồm các nội dung chi: thuê phòng, bạt; dụng cụ, vật tư lấy mẫu; dụng cụ, vật tư bảo quản, lưu trữ mẫu tạm thời; vận chuyển, bàn giao mẫu cho đơn vị giám định ADN; thuê nhân công, mua vật tư, trang bị bảo đảm cho các hoạt động khai quật, cất bốc, sửa lại vỏ mộ sau khi lấy mẫu, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu theo quy định; các khoản chi hợp lý, hợp lệ khác có liên quan trực tiếp (bao gồm mua quách/tiểu trong trường hợp bị hư hỏng do khai quật lấy mẫu).

Mức chi trên được xây dựng trên cơ sở khảo sát thực tế tại các địa bàn và theo đề xuất của Bộ Quốc phòng. Mức chi này đã tiếp thu ý kiến Bộ Tài chính và đã xin ý kiến thống nhất của địa phương. Việc thanh toán thực hiện theo hóa đơn, chứng từ, không vượt mức tối đa. Việc quy định mức chi tối đa giúp các đơn vị, địa phương chủ động cân đối nguồn lực và tổ chức lực lượng phù hợp với đặc thù địa hình, điều kiện thực tế của từng địa bàn; giúp cơ quan nhà nước thuận lợi trong việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và bảo đảm tính khả thi cho Chiến dịch 500 ngày đêm và hiện đang được quy định thực hiện tại Nghị quyết số 26/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ. Tuy nhiên, Nghị quyết mới được ban hành, bước đầu tổ chức thực hiện nên chưa được sơ kết, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc trong triển khai.

³ Giữ nguyên bố cục theo quy định hiện hành, điều chỉnh sửa đổi, bổ sung mức chi lấy mẫu hải cốt liệt sĩ: (1) Điều chỉnh tăng mức chi khai quật, cất bốc, sửa lại vỏ mộ sau khi lấy mẫu hải cốt liệt sĩ từ 1.000.000 đồng lên 1.150.000 đồng/mộ; (2) Tách riêng quy định chi phí lấy mẫu hải cốt liệt sĩ: mức chi lấy mẫu hải cốt liệt sĩ theo đề nghị của đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt là 50.000 đồng/mộ thực hiện lấy mẫu; mức chi lấy mẫu hải cốt liệt sĩ theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền được đề xuất là 300.000 đồng.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thay thế Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2023/NĐ-CP và Nghị định số 77/2024/NĐ-CP, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định, (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (3) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý; (4) Báo cáo thẩm định; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VPCP, Vụ KGVX - VPCP;
- VKSNDTC, TANDTC, KTTN;
- Lưu: VT, CNCC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hà